

Hoạt động phát hành TPDN giảm tốc trong T7

- Giá trị TPDN phát hành thành công trong T7 đạt hơn 50 nghìn tỷ đồng, giảm 60.1% so với tháng trước và tăng 22.2% svck, lũy kế 7T25 đạt hơn 317.6 nghìn tỷ đồng, tăng 76.6% svck.
- Lũy kế từ đầu năm đến nay, ước tính khoảng hơn 152 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+41% svck).
- Đến cuối tháng 7, lợi suất TPCP kỳ hạn 10N neo ở mức cao nhất trong vòng hơn 2 năm trở lại đây tại 3.34%/năm.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Hoạt động phát hành TPDN giảm tốc trong tháng 7

Sau chuỗi 4 tháng tăng liên tiếp, hoạt động phát hành TPDN mới trong tháng 7 đã có dấu hiệu chững lại khi giá trị phát hành thành công giảm 60.1% so với tháng trước. Cụ thể, thị trường ghi nhận 42 đợt phát hành mới với tổng giá trị phát hành ước tính khoảng hơn 50 nghìn tỷ đồng. Trong đó, quy mô phát hành mới của nhóm ngành Bất động sản và các ngành phi Ngân hàng lần lượt giảm mạnh 63% và 56% so với tháng trước. Tuy nhiên, giá trị phát hành trong tháng 7 vẫn tăng 22.2% svck. Trong đó, nhóm Ngân hàng tiếp tục là đầu kéo với giá trị phát hành đạt hơn 39.1 nghìn tỷ đồng (+15% svck), chiếm 78% tổng giá trị phát hành. Các DN có tổng giá trị phát hành cao trong tháng bao gồm: Agribank (17.5 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 24 – 120 tháng, lãi suất 5.2% - 6.48%), OCB (5.3 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 5.35% - 5.4%), SHB (4.1 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 84 tháng, lãi suất 7.65% - 7.68%). Đáng chú ý, trong tháng này, kênh phát hành TPDN ra công chúng ghi nhận 3 đợt phát hành mới lần đầu tiên trong hai tháng với giá trị hơn 13.5 nghìn tỷ đồng, và toàn bộ đến từ nhóm ngành Ngân hàng.

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt hơn 317.6 nghìn tỷ đồng, tăng 76.6% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong 7T25 ước đạt khoảng 6.8%, thấp hơn so với mức trung bình 7.2% của năm 2024.

Ngân hàng là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất (chiếm 75% tổng giá trị phát hành) với hơn 237.6 nghìn tỷ - tăng 98% svck, tương đương 80% tổng giá trị phát hành của ngành Ngân hàng trong năm 2024. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 5.7%/năm, kỳ hạn bình quân 4.7 năm. Các ngân hàng có giá trị phát hành lớn nhất từ đầu năm đến nay bao gồm: TCB (37 nghìn tỷ đồng), ACB (30.2 nghìn tỷ đồng), và Agribank (22.5 nghìn tỷ đồng).

Nhóm **Bất động sản** chiếm tỷ trọng 15% trong tháng 7T25 với tổng giá trị phát hành đạt gần 47.6 nghìn tỷ đồng, tăng 27% svck. Lãi suất bình quân gia quyền ở mức 10.4%/năm, kỳ hạn bình quân là 3.1 năm. Các doanh nghiệp có giá trị phát hành lớn nhất bao gồm: Tập đoàn Vingroup (18 nghìn tỷ đồng), CTCP Tư vấn và kinh doanh bất động sản TCO (8 nghìn tỷ đồng) và CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản Thành Vinh (5.6 nghìn tỷ đồng).

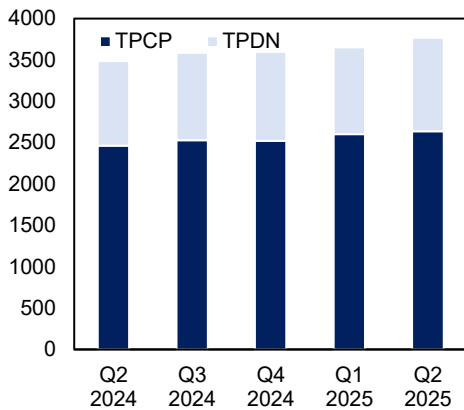
Quy mô mua lại TPDN trước hạn thu hẹp trong tháng 7

Trong tháng 7, giá trị TPDN mua lại trước hạn ước tính khoảng gần 26.9 nghìn tỷ đồng, giảm 58% so với tháng trước, và giảm 19.6% svck. Trong đó, nhóm ngành Ngân hàng chiếm tỷ trọng cao nhất 86% với tổng giá trị mua lại ước tính đạt gần 23.1 nghìn tỷ đồng (-23% svck). Lũy kế 7T25, khoảng hơn 152 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn (+41% svck), với đóng góp chủ yếu từ hoạt động mua lại của nhóm Ngân hàng (chiếm ~64.1% tổng giá trị mua lại, +25% svck) và nhóm Bất động sản (chiếm ~19% tổng giá trị mua lại, +144% svck).

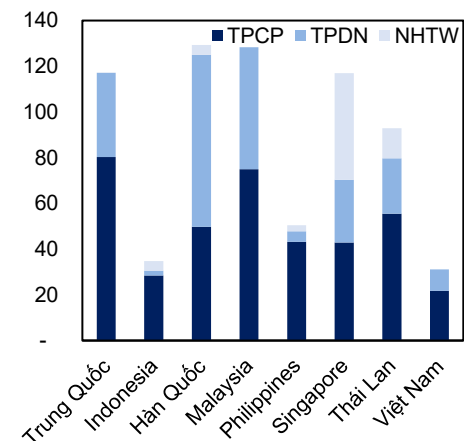
Tháng 7 ghi nhận 16 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi

Về tình hình chậm trả, tháng 7 ghi nhận 16 mã trái phiếu chậm thanh toán gốc/lãi với trị giá khoảng 4.5 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 7T2025, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 69 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 6.1% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm Bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất với 57%.

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q2 2025)



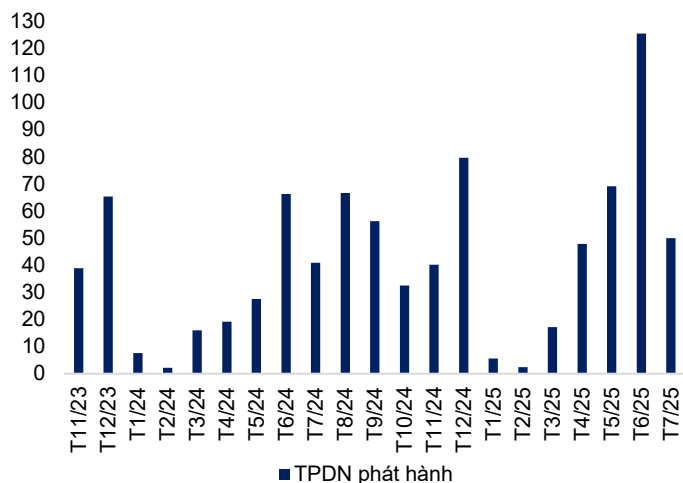
Chuyên viên phân tích



Đinh Hà Anh

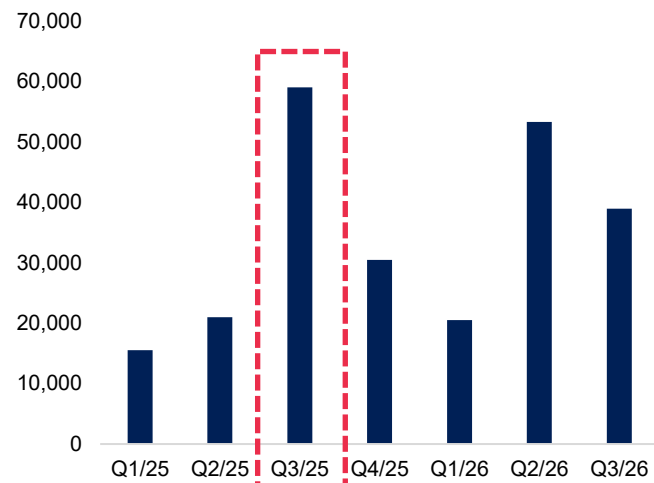
Anh.DinhHa@mbs.com.vn

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/8)



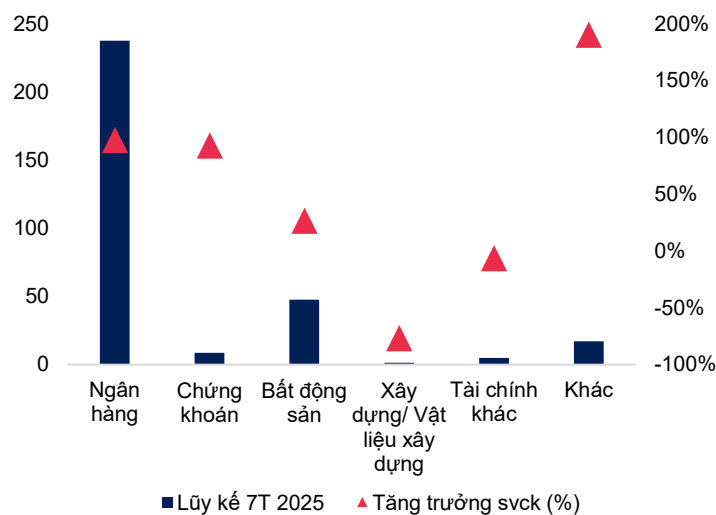
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



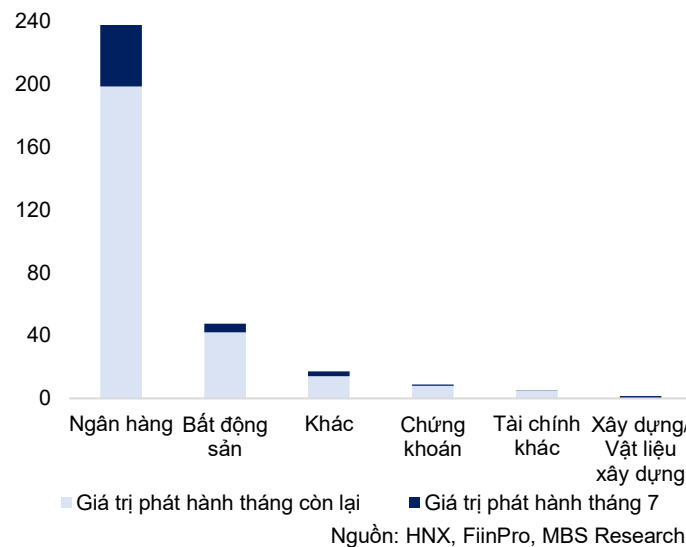
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



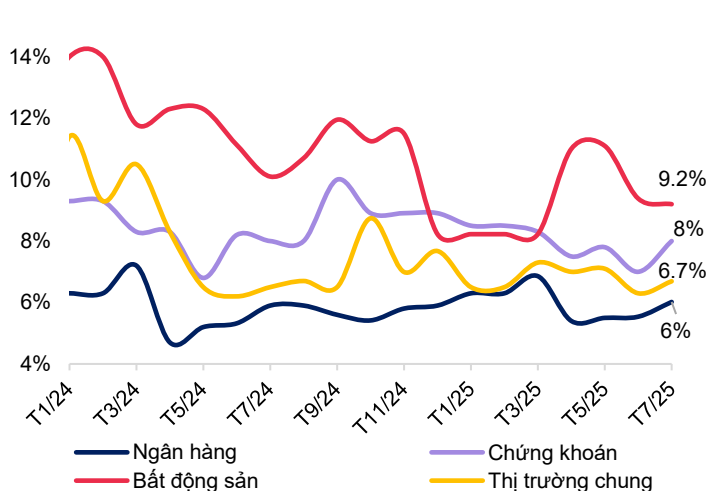
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ đầu năm 2025 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



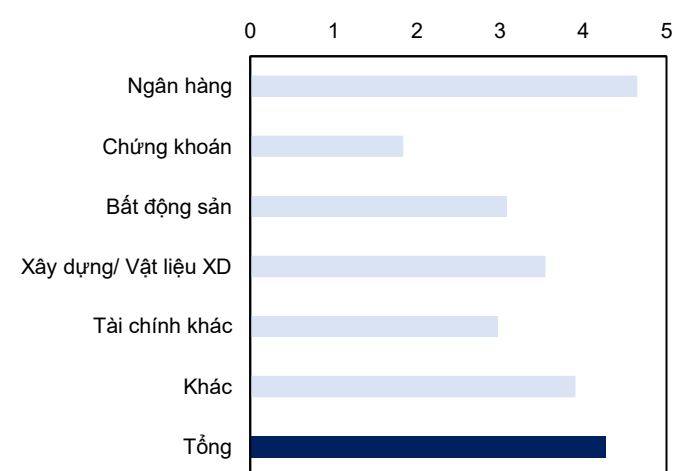
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Lãi suất bình quân gia quyền của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



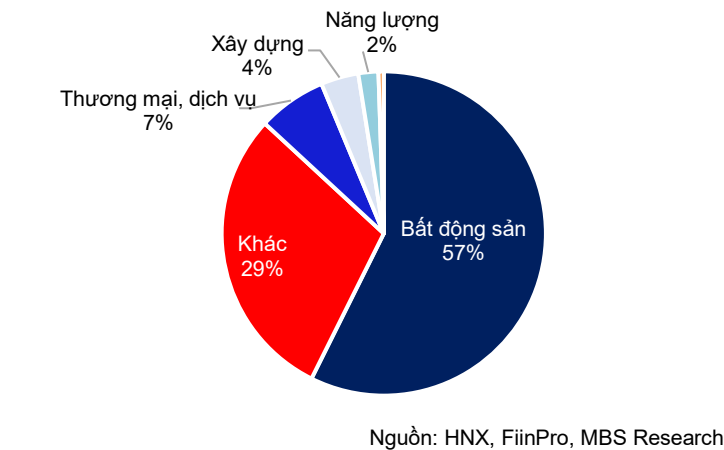
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2025 theo nhóm ngành (năm)

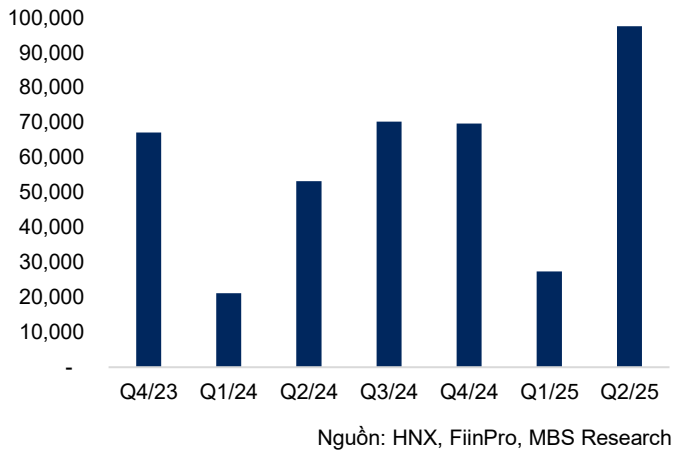


Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 70 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo quý (Đơn vị: tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 15/8)



Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công đạt 25,860 tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu tăng ở tất cả các kỳ hạn

Trong tháng 7, KBNN tiếp tục nâng quy mô chào bán TPCP, với tổng giá trị gọi thầu đạt 52,000 tỷ đồng - tăng 5% so với tháng 6. Trong đó, có 25,860 tỷ đồng được huy động thành công, tương ứng tỷ lệ trúng thầu đạt 49.7% - giảm 11.8% so với tháng trước. Theo đó, khối lượng TPCP phát hành trong tháng 7 đã hoàn thành 21.5% kế hoạch Q3. Theo thông báo ngày 31/7, KBNN dự kiến sẽ tiếp tục phát hành thêm khoảng 48 nghìn tỷ đồng TPCP trong tháng 8. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2025, KBNN đã phát hành tổng cộng 227,249 tỷ đồng TPCP, hoàn thành 45.4% kế hoạch cả năm. Trong đó, kỳ hạn 10N có lượng giá trị phát hành lớn nhất với 189,467 tỷ đồng.

Để đáp ứng cho nhu cầu vốn phục vụ cho việc đầu tư phát triển các dự án đầu tư công của Chính phủ, KBNN đã tiếp tục điều chỉnh tăng lợi suất trái phiếu trúng thầu tại tất cả các kỳ hạn với mức tăng từ 5 – 16 điểm cơ bản. Trong đó, kỳ hạn 5N tăng 16 điểm cơ bản lên mức 2.75%/năm. Bên cạnh đó, lợi suất kỳ hạn 10N và 15N cũng lần lượt tăng 11 và 13 điểm cơ bản lên mức 3.29%/năm và 3.4%/năm.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2025 đến nay (tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN 2025	KBNN đã phát hành 2025	% Kế hoạch KBNN 2025
3 Năm	40,000		
5 Năm	100,000	24,400	24%
7 Năm	10,000	0	0%
10 Năm	230,000	189,467	82%
15 Năm	85,000	10,045	12%
20 Năm	10,000	500	5%
30 Năm	25,000	2,838	11%
Tổng	500,000	227,249	45.4%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/7/2025

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

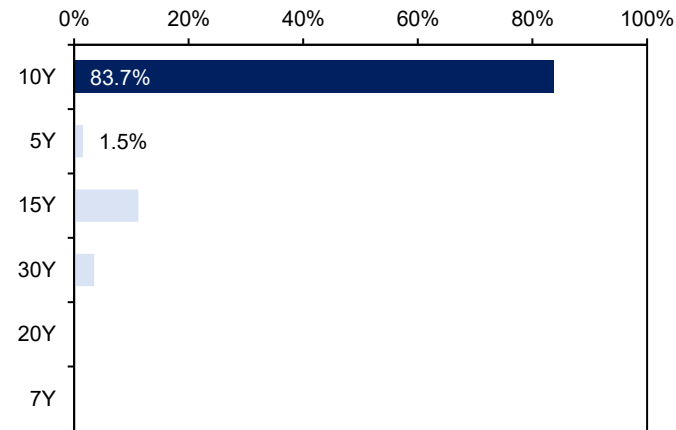
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T7/2025 (%)

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3N				
5N	3,500	400	11%	2.7% - 2.75%
7N				
10N	34,500	21,656	63%	3.21% - 3.29%
15N	11,000	2,900	26%	3.35% - 3.4%
20N				
30N	3,000	904	30%	3.42% - 3.45%
Tổng	52,000	25,859.6	49.7%	Đơn vị: tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 31/7/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

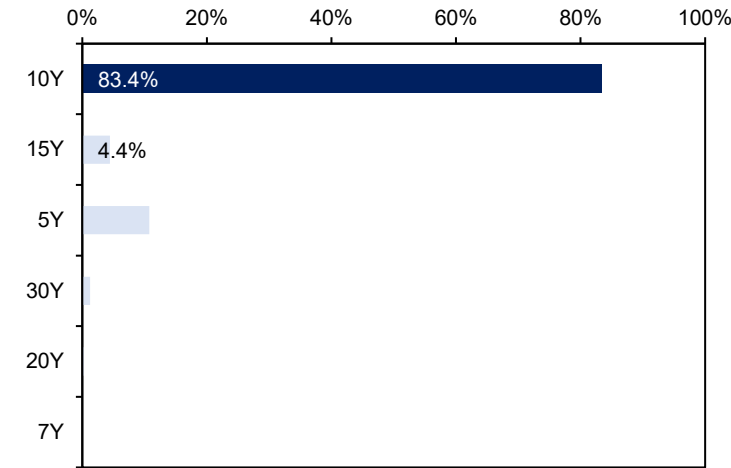
Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T7/2025



*Tính đến thời điểm 31/7/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

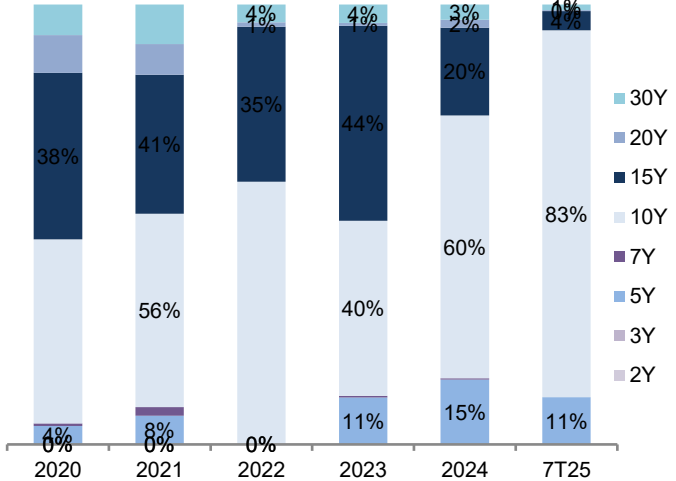
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2025



*Tính đến thời điểm 31/7/2025

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 31/7/2025

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	31/12/2024
Mỹ	4.37	-2.17	14.6	-19.5
EU	2.69	-0.76	8.8	32.8
Nhật Bản	1.56	-4.90	12.5	42.1
Trung Quốc	1.71	-3.01	6.1	3.6
Hàn Quốc	2.79	-6.20	-1.7	-8.1
Ấn Độ	6.37	4.59	4.9	-38.6
Malaysia	3.37	-2.20	-14.4	-44.3
Singapore	2.12	0.77	-13.0	-76.2
Indonesia	6.57	5.82	-6.0	-43.1
Philippines	5.02	-3.46	0.0	-38.8
Thái Lan	1.55	1.91	-6.2	-75.0
Việt Nam	3.34	1.20	11.9	36.7

* Số điểm cơ bản thay đổi so với hiện tại

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

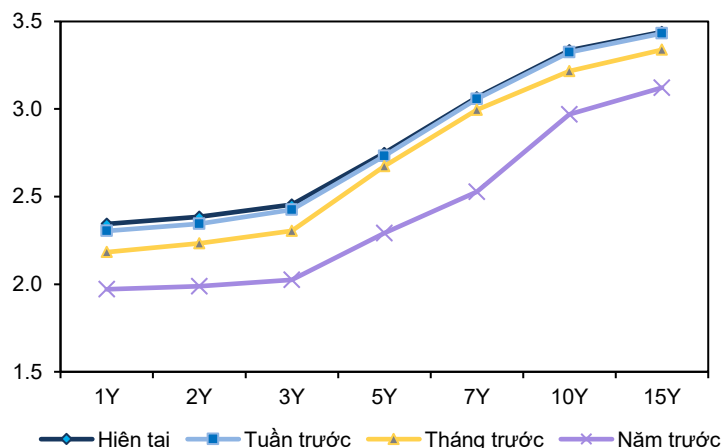
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP duy trì xu hướng tăng trong tháng tại tất cả các kỳ hạn. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp giảm 6.2% so với tháng trước. NĐTNN mua ròng hơn 205.2 tỷ đồng TPCP trong tháng 7.

Lợi suất kỳ hạn 10N tiếp tục xu hướng tăng và duy trì trên ngưỡng 3% trong suốt tháng 7. Đến cuối tháng 7, lợi suất kỳ hạn 10N neo ở mức cao nhất trong vòng hơn 2 năm trở lại đây tại 3.34%/năm (+12 điểm cơ bản so với cuối tháng trước), trong khi lợi suất kỳ hạn 2N tăng 15 điểm cơ bản so với tháng trước lên mức 2.39%/năm.

Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt hơn 15.7 nghìn tỷ đồng, giảm 6.2% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch Outright chiếm 65% khối lượng trong kỳ với hơn 235.7 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch đạt hơn 10.2 nghìn tỷ đồng/ngày, giảm 17.2% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch Repos bình quân tăng 25.4% so với tháng trước, với giá trị giao dịch đạt gần 5.5 nghìn tỷ đồng/ngày. Tổng giá trị khối ngoại mua ròng đạt hơn 205.2 tỷ đồng TPCP trong kỳ. Lũy kế từ đầu năm 2025, NĐTNN đã mua ròng khoảng gần 2.3 nghìn tỷ đồng.

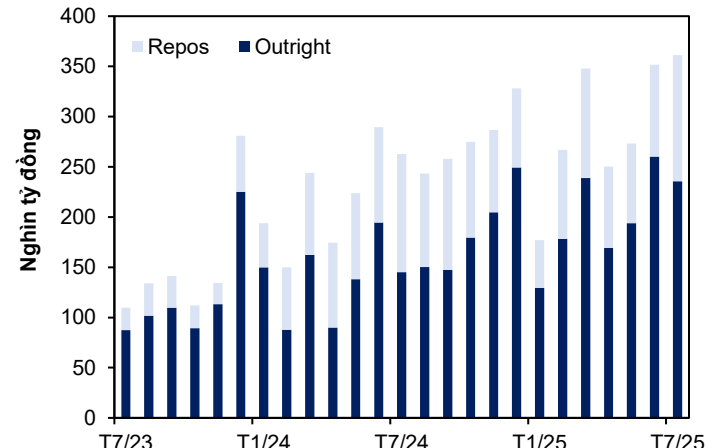
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/7

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

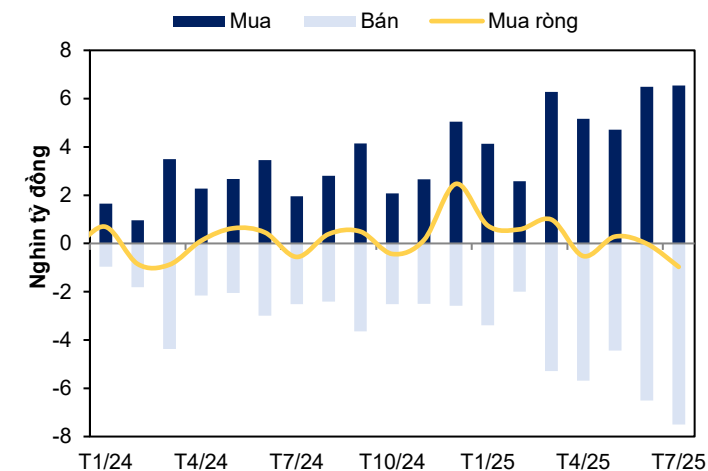
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/7

Nguồn: HNX, MBS Research

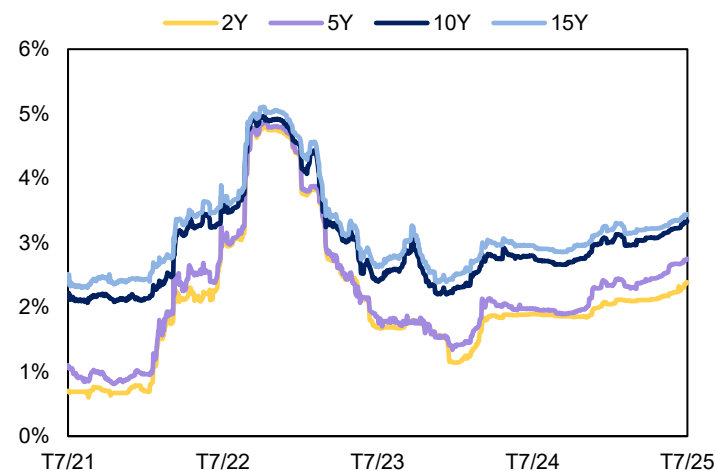
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/7

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/7

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2 - 3	37,000	5.0% - 5.2%
Ngân hàng TMCP Á Châu	2 - 5	30,150	4.95% - 5.9%
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2 - 15	22,470	5.2%-6.68%
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	3	21,100	5.2% - 5.4%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	3 - 10	20,349	5.0% - 6.48%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7 - 20	19,985	5.68%-6.4%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	3	19,200	5.1%-5.4%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	2 – 3.2	18,000	12.0%-12.5%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	8 - 15	16,350	5.73%-6.35%
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3 - 5	9,680	5.2% - 6.2%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2025

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
CTCP Tập đoàn Vingroup	2 – 3.2	18,000	12.0%-12.5%
CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	3	7,500	12.0%-12.5%
Công ty TNHH Công Nghiệp - Bất Động Sản và Xây dựng Song Phương	5	388.5	12.0%
CTCP Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	5	192	12.0%
CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	3	120	11.5%
CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	3	3,714.1	11.0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	3	660	11.0%
CTCP Fecon	1.5	120	11.0%
CTCP Hàng không Vietjet	5	2,000	10.5%
CTCP Đầu tư xây dựng New Tech	3	885	10.5%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 6 và tháng 7

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	06/2025	850	5.83%	96
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	06/2025	900	5.4%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,500	5.1%	36
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	2,000	5.3%	24
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	06/2025	1,000	5.4%	24
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	06/2025	500	5.4%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	339	7.28%	120
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	5,000	4.95%	24
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	600	5.68%	84
NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	06/2025	660	11.0%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	50	6.18%	84
	CTCP Vật tư Nông sản	06/2025	210	10.0%	42
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	350	7.1%	36
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	250	5.3%	24
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	200	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	85	5.9%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	250	5.68%	84

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,000	5.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	124	7.28%	120
	CTCP Chứng khoán Kỹ thương	06/2025	500	7.0%	13
	CTCP FECON	06/2025	120	11.0%	18
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	06/2025	1,000	5.2%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,000	5.1%	24
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	400	6.8%	24
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	1,600	5.3%	24
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	06/2025	1,000	5.4%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,000	5.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	1,000	7.28%	120
	CTCP kinh doanh F88	06/2025	50	10.5%	18
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	06/2025	500	5.6%	24
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	202	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	360	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	850	5.68%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	112	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	100	6.78%	120
	CTCP AAC Việt Nam	06/2025	750	9.1%	84
ABB	Ngân hàng TMCP An Bình	06/2025	1,000	5.8%	36
	CTCP Đầu tư đường Mặt Trời	06/2025	200	8.0%	12
	Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei	06/2025	1,000	7.5%	72
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	188	7.28%	120
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	06/2025	400	5.73%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	2,000	6.48%	120
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	06/2025	3,000	5.4%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	5,000	5.0%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	196	7.28%	120
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	122	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	260	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	100	5.68%	84
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	06/2025	1,000	5.83%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	200	6.38%	96
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	5,000	5.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	118	7.28%	120
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	2,000	5.0%	36
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	06/2025	1,000	5.2%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	196	7.28%	120
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	5,000	4.95%	24
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	1,000	5.6%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	135	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	150	5.83%	96
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	06/2025	200	10.25%	60
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	06/2025	3,000	5.88%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	5,000	5.4%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	06/2025	500	6.18%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	163	7.28%	120
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	500	7.1%	36
	Công ty TNHH hóa chất Hyosung Vina	06/2025	250	7.0%	12
	CTCP Tập đoàn đầu tư Tây Bắc	06/2025	120	11.5%	36

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
	CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	06/2025	1,800	11.0%	36
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	5,000	5.4%	24
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	06/2025	500	5.6%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	321	7.28%	120
VIC	Tập đoàn Vingroup - CTCP	06/2025	1,000	12.0%	36
	Công ty TNHH dịch vụ thương mại tổng hợp An Thịnh	06/2025	5,000	9.0%	18
	CTCP Tư vấn và Kinh doanh bất động sản TCO	06/2025	5,000	9.0%	18
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	350	6.8%	24
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	400	6.8%	24
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	06/2025	260	7.0%	84
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	138	7.28%	120
	CTCP Xuất nhập khẩu Sài Gòn Xanh	06/2025	192	12.0%	60
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	200	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	150	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	150	5.68%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	367	5.68%	84
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	1,000	5.0%	24
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	06/2025	2,000	5.1%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	589	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	394	7.28%	120
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	06/2025	1,000	10.5%	60
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	06/2025	400	6.8%	24
	CTCP Đầu tư và Phát triển du lịch Phú Quốc	06/2025	2,400	9.7%	60
	CTCP Crystal Bay Việt Nam	06/2025	755	9.5%	60
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	06/2025	5,000	4.95%	24
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	06/2025	3,000	7.65%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	2,000	5.88%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	06/2025	500	6.4%	240
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	06/2025	500	9.6%	36
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	217	7.28%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	76	6.78%	120
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	06/2025	114	7.28%	120
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	06/2025	3,000	5.4%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	06/2025	1,000	5.2%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	06/2025	2,000	5.4%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	06/2025	1,500	5.2%	36
	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	06/2025	2,500	12.0%	36
	CTCP AAC Việt Nam	06/2025	350	9.1%	84
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank)	06/2025	250	6.68%	180
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank)	06/2025	4,700	6.48%	120
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	07/2025	1,000	10.5%	60
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	1,200	5.83%	96
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	100	5.68%	84
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	07/2025	500	5.6%	36
	CTCP TCO Holdings	07/2025	260	9.0%	12
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	50	6.38%	96
TCHC	CTCP TCO Holdings	07/2025	260	9.0%	12
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	400	5.68%	84
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	07/2025	300	10.25%	60
	CTCP kinh doanh F88	07/2025	100	10.0%	12

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	07/2025	680	6.2%	60
	CTCP Đầu tư xây dựng New Tech	07/2025	885	10.5%	36
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank)	07/2025	7,520	5.2%	24
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	07/2025	1,500	7.65%	84
NAB	Ngân hàng TMCP Nam Á	07/2025	200	7.0%	84
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	200	5.68%	84
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	07/2025	1,300	5.35%	36
EVF	Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	07/2025	215	7.0%	36
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	1,000	6.48%	120
	CTCP Đầu tư phát triển Bất động sản Thành Vinh	07/2025	5,000	9.2%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	250	6.38%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	250	6.38%	96
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	1,000	6.38%	96
	Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long	07/2025	200	9.1%	24
	Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long	07/2025	300	9.1%	36
	Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long	07/2025	384	9.1%	48
ETCC	CTCP VETC	07/2025	500	5.0%	60
VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	07/2025	800	8.0%	12
	CTCP Đầu tư phát triển Bất động sản Thành Vinh	07/2025	600	9.2%	84
MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	07/2025	100	6.48%	120
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	07/2025	3,000	5.4%	36
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	07/2025	1,000	5.35%	36
DBGC	Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	07/2025	60	8.5%	120
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	07/2025	2,649	7.68%	84
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	07/2025	2,000	5.3%	36
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	07/2025	500	5.9%	60
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank)	07/2025	10,000	6.48%	120
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	07/2025	1,000	5.2%	36
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	07/2025	1,600	5.3%	36
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	150	6.3%	180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	07/2025	100	5.68%	84
KLB	Ngân hàng TMCP Kiên Long	07/2025	900	6.9%	84

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên

TRUNG LẬP Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%

KÉM KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

TRUNG LẬP Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KÉM KHẢ QUAN Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHOI NGHIEN CUU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Phạm Thị Thanh Hương

Bất động sản - VLXD

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Phạm Thị Thanh Huyền

Logistics – Vật liệu cơ bản

Võ Đức Anh

Công nghiệp – Năng Lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Mai Duy Anh

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly